TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 221/2019/ DS-ST
Ngày:06/8/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2018/TLST-DS ngày 07/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-DS ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Thanh Q, sinh năm X; cư trú tại: K, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Tăng Diệp T, sinh năm Y và ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm Z; cùng cư trú tại: H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm M; cư trú tại: H, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2018, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 09/4/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Dương Thanh Q trình bày:

Ngày 29/7/2016, ông Q cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N, bà Tăng Diệp T mượn số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm (hẹn đến 29/7/2017 trả), không tính lãi. Đến hạn ông N, bà T không trả tiền.

Ngày 28/7/2017, Ông Q cho vợ chồng ông N, bà T mượn tiếp 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi, hẹn đến ngày 28/7/2018 sẽ trả nhưng đến hạn ông N, bà T không trả.

Nay ông Dương Thanh Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T trả số tiền tổng cộng 1.250.000.000đ đã mượn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán.

Số tiền cho mượn là tài sản riêng của ông Q.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim Th vắng mặt tại phiên tòa có bản tự khai trình bày: Bà Th là vợ của ông Dương Thanh Q, số tiền mà ông Q cho vợ chồng ông N, bà T mượn là tài sản riêng của ông Q. Đề nghị Tòa án buộc ông N, bà T trả nợ cho cá nhân ông Q.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Dương Thanh Q khởi kiện ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim Th có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T, bà Th.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ các giấy mượn tiền đề 29/7/2016 và 28/7/2017 do phía nguyên đơn xuất trình cùng lời trình bày của ông Dương Thanh Q thì giữa ông Dương Thanh Q và vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N, bà Tăng Diệp T đã phát sinh mối quan hệ về vay tài sản; bên cho vay là ông Q, bên vay là ông N, bà T; số tiền vay ngày 29/7/2016 là 500.000.000đ, số tiền vay ngày 28/7/2017 là 750.000.000đ. Thời hạn vay là 01 năm, là khoản vay không có lãi và không có tài sản đảm bảo.

Tòa án đã thông báo cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T về việc Tòa án thụ lý vụ kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên phía ông N, bà T không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông N, bà T về việc phản đối các tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Những tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra mà đương sự kia thừa nhận hoặc không phản đối thì

đương sự đó không phải chứng minh. Vì vậy, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn là ông Dương Thanh Q đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo trình bày của nguyên đơn thì khi sắp đến hạn thanh toán khoản tiền 500.000.000đ (vay vào ngày 29/7/2016) thì ông N, bà T xin vay thêm số tiền 750.000.000đ nhưng phía ông N, bà T đã không thanh toán đúng theo thỏa thuận cả hai khoản vay. Do đó đã có cơ sở để xác định ông N, bà T còn nợ ông Dương Thanh Q số tiền 500.000.000đ theo giấy mượn tiền đề ngày 29/7/2016 và 750.000.000đ theo giấy mượn tiền đề ngày 28/7/2017, tổng cộng cả 2 khoản là 1.250.000.000đ. Như vậy, phía ông N, bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông N, bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Dương Thanh Q nên đã có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông N, bà T phải thanh toán nợ là thỏa đáng.

[3] Về tiền lãi chậm thanh toán**:** Ông Dương Thanh Q không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T phải trả lãi do chậm thanh toán nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về thời hạn thanh toán: Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T phải trả số nợ tổng cộng 1.250.000.000đ cho ông Dương Thanh Q ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T phải chịu án phí là 36.000.000đ + (1.250.000.000-800.000.000) x 3% = 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành

kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn là ông Dương Thanh Q:

Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T có trách nhiệm trả cho ông Dương Thanh Q số tiền vay còn nợ theo các giấy mượn tiền đề ngày 29/7/2016 và ngày 28/7/2017 tổng cộng là 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Thời hạn thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng N và bà Tăng Diệp T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Trả lại cho ông Dương Thanh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010562 ngày 07/12/2018 và 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011052 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Dương Thanh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Hoàng N, bà Tăng Diệp T, bà Nguyễn Thị Kim Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu